TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hà Giang.
2. Bà Đỗ Ngọc Ngân Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kiều Thị C - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Tấn L - Sinh năm 1956 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-9-2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Kiều Thị C trình bày:

Bà và ông L cưới nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01-2004 ngày 19-5-2004. Sống chung hạnh phúc đến tháng 01-2005 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã mất hạnh phúc gia đình. Ly thân từ tháng 01-2005 cho đến nay.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn L.

Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 19-5-1989 và Trần Thanh L1, sinh ngày 19-3-1993. Hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Kiều Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Tấn L, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông L được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Kiều Thị C và ông Trần Tấn L chung sống có đăng ký kết hôn ngày 19-5-2004 tại Uỷ ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà C, Hội đồng xét xử nhận định: Bà C cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã. Ông L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hiện hai vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, qua lời trình bày của bà C nhận thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông L đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà C yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 19-5-1989 và Trần Thanh L1, sinh ngày 19-3-1993 - đã thành niên, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà C trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[8] Bà C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Kiều Thị C được ly hôn với ông Trần Tấn L.

2. Về nuôi con chung: 02 con chung tên Trần Thị Thanh T, sinh ngày 19-5-1989 và Trần Thanh L1, sinh ngày 19-3-1993 - đã thành niên, không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kiều Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005377 ngày 26-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Thành, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái